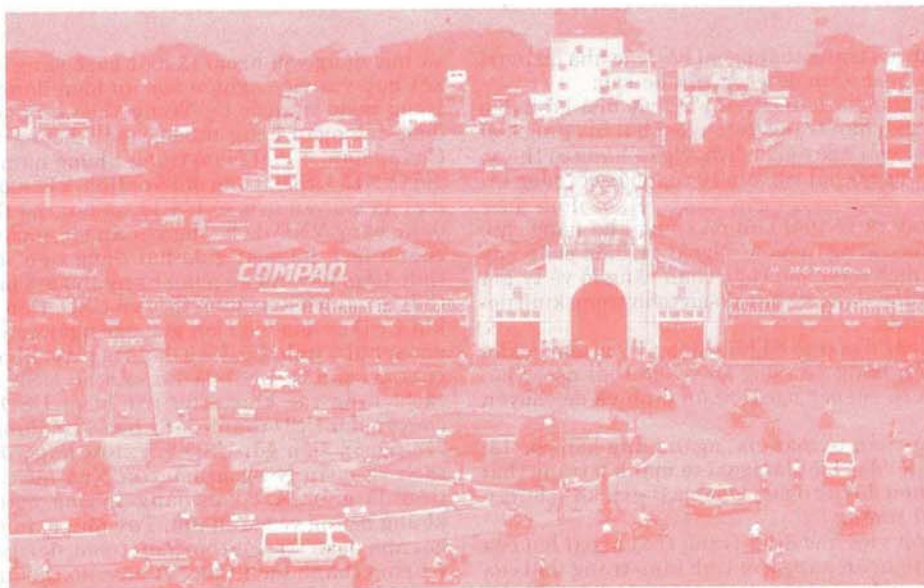




PHÁ GIÁ ĐỒNG TIỀN VÀ VẤN ĐỀ CẢI THIỆN CÁN CÂN THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Thạc sĩ NGUYỄN NHƯ Ý

Gần đây khi đề cập đến các biện pháp kích cầu, rải rác trong các bài viết thường gợi ý đến vấn đề đồng tiền Việt Nam hiện nay được đánh giá cao so với các đồng tiền trong khu vực. Một hiện tượng có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, ảnh hưởng đến việc làm gia tăng tổng cầu thông qua phát triển xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu và cả trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thuật ngữ *phá giá* nếu được hiểu một cách đơn giản là bất kỳ hiện tượng giảm giá danh nghĩa nào của đồng tiền một cách có chủ ý với mức độ đáng kể, thì liệu một chính sách phá giá đồng Việt Nam có tác dụng như một liệu pháp gây hiệu ứng tích cực đến nền kinh tế hay không?

Câu trả lời phụ thuộc vào tình hình ban đầu và vào qui mô cũng như thời gian của các hiệu ứng giảm cầu và khuyến khích sản lượng. Điều này cũng tùy thuộc vào qui mô tương đối của khu vực sản xuất hàng mậu dịch và phi mậu dịch, vào phản ứng của các khu vực này trước biến động của quan hệ tỷ giá, vào hệ số co giãn của nhu cầu nhập khẩu và các hàng hóa thay thế trong nước và một số yếu tố khác và đặc biệt là năng lực quản lý của nhà nước. Đây không phải là vấn đề có thể quyết định mà không cân nhắc kỹ lưỡng.

1. Phá giá và cán cân thương mại, tăng trưởng kinh tế

Theo lý thuyết, khi nội tệ giảm giá sẽ làm tăng giá hàng nhập tính theo giá trị nội tệ và giảm giá hàng xuất tính theo ngoại tệ, do đó dẫn đến phản ứng là khuyến khích người trong nước giảm tiêu thụ hàng nhập và gia tăng sản xuất hàng cho xuất khẩu. Theo lý thuyết của Keynes, điều này sẽ kích cầu hàng trong nước

và do đó thu nhập quốc gia sẽ gia tăng theo cấp số nhân.

Tuy nhiên qui mô phản ứng lại phụ thuộc vào loại hàng hóa được nhập khẩu và xuất khẩu. Hay nói cách khác nó phụ thuộc vào hệ số co giãn theo giá trong nước đối với cầu về hàng nhập khẩu và cung về hàng xuất khẩu. Ở nước ta, cũng như các nước nhỏ có thu nhập thấp khác, hệ số co giãn đối với nhu cầu hàng nhập khẩu và cung hàng xuất khẩu nhỏ. Bởi lẽ, nhu cầu nhập khẩu chủ yếu xuất phát từ sự gia tăng cầu các hàng hóa trung gian và tư liệu sản xuất cần thiết trong sản xuất (85-90% trong tổng kim ngạch nhập khẩu) mà cung trong nước thiếu, khả năng thay thế rất hạn chế giữa hàng nhập và hàng sản xuất trong nước và phần lớn hàng xuất khẩu là nông sản (gần 75% trong tổng kim ngạch xuất khẩu), mà các sản phẩm này cần thời gian sản xuất rất dài và có nhu cầu trong nước rất hạn chế. Ngoài ra, hệ số co giãn nhỏ còn do khó di chuyển tư liệu sản xuất giữa các khu vực, do thông tin kém, do các trục trặc khác của thị trường và kết cấu hạ tầng kém phát triển. Nói cách khác, đặc tính của nền kinh tế nước ta, cũng như các nước nhỏ có thu nhập thấp khác là kém năng lực biến đổi với các yếu tố kích thích do biện pháp phá giá tạo ra. Vì vậy, các biện pháp

tác động trực tiếp vào những yếu kém về cơ cấu hạn chế sự co giãn có thể có hiệu quả hơn phương pháp phá giá nói chung.

2. Năng lực quản lý

Phá giá tiền tệ phải được kết hợp với các biện pháp hỗ trợ. Thực hiện các biện pháp đồng bộ như vậy là một việc khó khăn, chính sách tài khóa, tiền tệ và điều tiết phải phù hợp với chính sách tỷ giá. Ở mức độ nào đó các chính sách này có thể thay thế cho nhau. Kỷ luật tài chính, tiền tệ nghiêm khắc có thể bảo đảm một tỷ giá cố định và tỷ giá linh hoạt có thể thích hợp với tình hình tài khóa, tiền tệ mở rộng hơn. Sự cần thiết phải phối hợp các chính sách kinh tế vĩ mô cũng được đề cập ở góc độ biện pháp phá giá tiền tệ gây ra hiệu ứng lạm phát tiềm tàng, một hiện tượng có thể làm triệt tiêu tác động của việc phá giá. Do đó chính phủ phải quản lý tổng cầu để tránh quá trình lạm phát trong khi đồng thời phải tránh nguy cơ ngược lại là nhu cầu được đáp ứng quá mức và đầu tư bị bóp nghẹt. Hơn nữa biện pháp phá giá thường không mang lại đầy đủ lợi ích của nó, trừ khi được kết hợp với các biện pháp hỗ trợ có bản chất kinh tế vĩ mô và thiên về cung hơn để củng cố kết cấu hạ tầng, cung cấp các dịch vụ tiếp thị.

3. Tác động của phá giá đến ngân sách chính phủ

Tác động của phá giá đối với thu, chi của chính phủ làm cho vấn đề phức tạp hơn. Một lần nữa các xu hướng trái ngược nhau đều phát huy tác dụng:

Trước hết, phá giá có thể làm tăng nguồn thu của chính phủ. Hiện tượng này rõ nét nhất trong trường hợp thuế đánh vào ngoại thương. Khi phá giá tiền, giá trị của hàng nhập khẩu và xuất khẩu tính bằng đơn vị nội tệ sẽ tăng. Trong bối cảnh hệ số cơ gián theo giá của cầu về hàng nhập khẩu không lớn, nó có khả năng tác động tích cực đối với nguồn thu từ thuế nhập khẩu, trừ khi thuế được ấn định cố định theo khối lượng và chính phủ bù một phần cho việc phá giá bằng cách hạ thấp mức thuế. Mặt khác, khi các mặt hàng nhập khẩu và các hàng hóa sản xuất trong nước dùng vật tư nhập khẩu phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, nguồn thu từ thuế tiêu thụ đặc biệt cũng có thể tăng. Bên cạnh đó, nếu biện pháp phá giá làm tăng được mức sản lượng hàng mậu dịch nhiều hơn mức giảm của hàng phi mậu dịch, thì cũng có thể nguồn thu từ thuế thu nhập của công ty và thuế thu nhập của cá nhân cũng gia tăng. Và tất nhiên, nguồn thu tính bằng nội tệ từ các khoản viện trợ không hoàn lại của chính phủ cũng gia tăng. Như vậy nói chung biện pháp phá giá có thể làm tăng nguồn thu cho ngân sách.

Đối với chi ngân sách, nó phụ thuộc ít nhất vào ba yếu tố: mức độ mua hàng nhập khẩu của chính phủ, qui mô nợ nước ngoài của chính phủ; và mức độ tăng lương mà chính phủ phải thực hiện cho khu vực công vì đồng tiền bị phá giá.

Trường hợp nước ta, khoản nợ nước ngoài khá lớn, điều bất lợi của việc phá giá là nó làm cho giá trị bằng đồng nội tệ để thanh toán nợ tăng lên đúng bằng tỷ lệ phá giá. Khoản chi có thể vượt quá khoản thu, cho nên tình hình ngân sách có khả năng xấu đi. Mặt khác, việc phá giá có thể đẩy các doanh nghiệp tư nhân có khoản nợ nước ngoài lớn vào tình hình tài chính rất khó khăn và chính phủ cảm thấy có trách nhiệm phải "quốc hữu hóa" các khoản nợ, đảm nhận việc thanh toán chúng để tránh

các cuộc phá sản và tình trạng thất nghiệp. Đường nhiên tình hình như vậy có thể làm tăng thâm hụt ngân sách, tăng nguy cơ phát hành tiền gây lạm phát.

Như vậy, tác động của việc phá giá đối với ngân sách có thể rất lớn, nhưng khó có thể dự đoán một cách chính xác, do đó làm cho việc áp dụng các chính sách tài chính hỗ trợ còn khó khăn hơn.

4. Nguy cơ dẫn đến tình trạng đình lạm

Biện pháp phá giá có thể châm ngòi cho sự gia tăng lạm phát. Bởi lẽ, ở nước ta nhu cầu vật tư cần thiết, các đầu vào khác cho sản xuất, thiết bị và hàng tiêu dùng đều phải nhập khẩu. Giảm giá đồng tiền trong nước làm cho giá hàng nhập khẩu tính bằng đồng nội tệ tăng lên, tạo ra sức ép đối với mức giá trong nước: chi phí nhập khẩu tăng làm cho giá nguyên liệu. Do đó tác dụng thực tế của phá giá tỉ giá hối đoái danh nghĩa sẽ nhanh chóng mất tác dụng và chẳng bao lâu tỉ giá hối đoái thực tế chẳng còn thấp nữa.

Nguy cơ khác là phá giá tiền tệ có thể châm ngòi cho cuộc suy thoái đi kèm lạm phát. Tăng giá trong giai đoạn đầu sẽ làm giảm bớt sức mua, trong khi làm tăng chi phí trong nước. Khối lượng nhu cầu về tiền tệ đã có từ trước giờ đây có thể duy trì khối lượng sản xuất nhỏ hơn. Ở đây có sự đánh đổi giữa tác động gây lạm phát và tác động gây suy thoái, nhưng kết quả cuối cùng tình trạng lạm phát nhiều hơn và hoạt động kinh tế thực tế suy giảm. Tuy nhiên, tác động giảm bớt nhu cầu của biện pháp phá giá có thể tăng lên, nếu như nó dẫn tới hậu quả chuyển thu nhập thực tế từ người sản xuất hàng hóa phi mậu dịch có khuynh hướng tiết kiệm biên thấp sang người sản xuất

hàng mậu dịch có khuynh hướng tiết kiệm biên cao hơn.

Khi đồng tiền bị phá giá mạnh, thông thường người sản xuất lệ thuộc vào các nguồn nguyên liệu nhập khẩu sẽ gặp khó khăn về vốn lưu động, bởi vì giờ đây họ phải trả một lượng nội tệ nhiều hơn để có thể bảo đảm duy trì kinh doanh ổn định trước khi họ có thể chuyển phần chi phí tăng thêm cho người tiêu dùng. Hiệu ứng này sẽ bị khuếch đại lên nếu các doanh nghiệp trong nước có phần nợ chủ yếu bằng ngoại tệ. Những khó khăn trong phương tiện thanh toán như vậy rất phổ biến và có thể làm tăng hiệu ứng lạm phát lên đáng kể như đã nói ở trên, nhất là khi những hạn chế về tín dụng không cho phép hệ thống ngân hàng đáp ứng các nhu cầu tăng lên về vốn lưu động của các doanh nghiệp.

Hiệu ứng suy thoái tiềm tàng này có thể được dùng để luận chứng chống lại việc phá giá tiền tệ theo hai cách. Thứ nhất, suy thoái có thể dẫn đến giảm đầu tư, vì nhu cầu trở nên nhỏ hơn và lòng tin cũng bị suy giảm, điều này có thể làm chậm những thay đổi cơ cấu cần thiết để có thể tái phân phối các nguồn lực cho các ngành sản xuất hàng mậu dịch. Thứ hai, cái giá phải trả khi sử dụng công cụ này thường quá cao, nếu nó dẫn tới sự suy giảm to lớn trong sản xuất, công ăn việc làm và thu nhập. Như vậy, cần phải tìm ra các chính sách thay thế với cái giá phải trả thấp hơn, cho phép đạt được sự điều chỉnh với mức sản lượng cao hơn ■

Tài liệu tham khảo:

Michael P. Todaro, *Kinh tế học cho thế giới thứ ba*

Tony Killick, *Nền kinh tế thích nghi*

Thời báo kinh tế Sài Gòn, CD Rom 95-99

